

CÔNG TY CỔ PHẦN APECO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN APECO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APECO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109474992

3. Ngày thành lập: 29/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

TT19-B20 Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán mô tô, xe máy	4541
2.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
5.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
6.	Bán buôn đồ uống	4633
7.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	4662
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
18.	In ấn	1811
19.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
20.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
21.	Xây dựng nhà để ở	4101

22.	Xây dựng nhà không để ở	4102
23.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Xây dựng công trình điện	4221
26.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
27.	Sao chép bản ghi các loại	1820
28.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
29.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
30.	Xây dựng công trình thủy	4291
31.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
32.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
40.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
41.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
42.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
43.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
47.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
49.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
54.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

56.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
57.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
62.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
63.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
64.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
65.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
66.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu, Trừ bán lẻ súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
68.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
70.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
72.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4799
73.	Chuyển phát Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics	5320
74.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
75.	Cơ sở lưu trú khác	5590
76.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
77.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
80.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

81.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Trừ tư vấn chứng khoán; - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng)	7490
82.	Cho thuê xe có động cơ	7710
83.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
84.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
85.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
87.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
88.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
89.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
90.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
91.	Dịch vụ đóng gói	8292
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
93.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
94.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
95.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
96.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
97.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
98.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
99.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
100.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110(Chính)
101.	Bán buôn thực phẩm	4632
102.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động khám chữa bệnh của thầy thuốc, chữa bệnh các phương pháp vật lý trị liệu, xoa bóp y học, thuật châm cứu. - Khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, bắt mạch, kê đơn, bốc thuốc, xoa bóp châm cứu, day ấn huyệt (Chỉ hoạt động khi được các cơ quan có thẩm quyền cho phép).	8699
103.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
104.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
105.	Chăn nuôi gia cầm	0146

106.	Hoạt động thú y	7500
107.	Trồng cây ăn quả	0121
108.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
109.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
110.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
111.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
112.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
113.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
114.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
115.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
116.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
117.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
118.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HIỀN	Khu Dân Cư Trung Tâm, Phường Bến Tắm, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	90,000	141916950	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	90,000		

2	NGUYỄN TUẤN VŨ	Khu Dân Cư Trung Tâm, Phường Bến Tắm, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	0300940049 84	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
3	NGUYỄN THỊ THẢO	Khu Dân Cư Trung Tâm, Phường Bến Tắm, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	0301760068 43	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 142659326

Ngày cấp: 10/12/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư Trung Tâm, Phường Bến Tắm, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu dân cư Trung Tâm, Phường Bến Tắm, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội